TÒA ÁN NHÂN DÂNTHỊ XÃ SƠN TÂY
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 02 năm 2024
"*V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SƠN TÂY – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ngô Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đào Thị Minh Nguyệt và ông Đào Huy Dương;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sơn Tây tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội xét xử công khai, sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số:176/2023/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08 ngày 31tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích T, sinh năm: 1984 (*Có mặt*);

ĐKHKTT: Số 19 N, phường L, thị xã S, TP. Hà Nội.

Nơi ở hiện tại: Số 16 ngõ 12 đường T, phường H, thị xã S, TP. Hà Nội.

Bị đơn: Anh Đỗ Hoài N, sinh năm: 1983 (*Vắng mặt*);

ĐKHKTT và nơi ở hiện tại: Số 19 N, phường L, thị xã S, TP. Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Hoài N kết hôn với nhau ngày 14/03/2007 tại Ủy ban nhân dân phường Lê Lợi, thị xã Sơn Tây, TP. Hà Nội qua tự do tìm hiểu theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại gia đình anh N tại số 19 N, phường L, thị xã S, TP. Hà Nội. Trong thời gian chung sống, nhiều lần vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh N thường uống rượu chửi bới, đánh đập chị. Từ tháng 11/2023 chị T do không thể chịu đựng được thêm nên đã về nhà bố mẹ đẻ tại phường Trung Hưng sinh sống, từ đó đến nay anh chị sống

ly thân. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu Đỗ Nhật H, sinh ngày 26/12/2007 và cháu Đỗ Nhật A, sinh ngày 31/5/2012. Hiện cháu Anh đang ở với chị T, cháu H đang ở với anh N. Nguyện vọng của chị T sau khi ly hôn là được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Nhật A, giao cháu Đỗ Nhật H cho anh Đỗ Hoài N, chị T và anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công sức chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Chị T xác định không có.

- Về án phí: Chị T tự nguyện chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt, niêm yết thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng cho anh Đỗ Hoài N theo đúng quy định. Tại Bản tự khai ngày 12/12/2023 anh N trình bày:

Về hôn nhân: Anh có đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Thị Bích T, Trong thời gian chung sống có lần anh đã tát vợ, anh đã xin lỗi hiện vợ anh đã bỏ không ở cùng anh nữa. Anh N mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi con chung. Anh N hứa từ nay sẽ không đánh vợ nữa.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Đỗ Nhật H, sinh năm 2007 và cháu Đỗ Nhật A, sinh năm 2012, hiện cháu H đang ở với anh, cháu Anh đang ở với chị T.

Về tài sản chung, công nợ chung không có.

Tòa án cũng tiến hành lấy lời khai của cháu Đỗ Nhật H và cháu Đỗ Nhật A.Tại các Bản tự khai ngày 08/12/2023, cháu H trình bày nguyện vọng được ở với bố, cháu Anh trình bày nguyện vọng được ở với mẹ

Tòa án cũng tiến hành lấy lời khai của mẹ chị T và mẹ anh N.Tại các Biên bản lấy lời khai ngày 28/12/2023 bà Nguyễn Thị Hải là mẹ chị T và bà Trần Thị Bích là mẹ đẻ anh N đều cho biết: Anh Đỗ Hoài N có đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Thị Bích T, vợ chồng anh chị có mâu thuẫn dẫn đến xô xát. Hai gia đình đã khuyên ngăn, hòa giải nhưng không thành.Từ tháng 11/2023, chị T và anh N sống ly thân.Gia đình mong muốn anh chị đoàn tụ nhưng nếu anh chị kiên quyết ly hôn thì do các anh chị tự quyết định.Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Đỗ Nhật H, sinh ngày 26/12/2007 và cháu Đỗ Nhật A, sinh ngày 31/5/2012, hiện cháu Anh đang ở với mẹ, cháu H đang ở với bố. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức chung của anh chị đều không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ban hành Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tống đạt hợp lệ cho các đương sự. Tuy nhiên anh N vắng mặt, chị T đề nghị Tòa án không tiếp tục hòa giải nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

- Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

+ **Về tố tụng:**Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án,Thẩm phán và Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ **Về nội dung vụ án**: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Bích T được ly hôn với anh Đỗ Hoài N. Về con chung: Có 02 con chung. Giao con chung là cháu Đỗ Nhật A, sinh ngày 31/5/2012 cho chị T, Đỗ Nhật H, sinh ngày 26/12/2007 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T và anh N, anh N và chị T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn không ai được ngăn cản. Về tài sản chung, nợ chung, công sức chung: Đề nghị Tòa án không xem xét. Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Bích T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội giải quyết ly hôn. Xét thấy, anh Đỗ Hoài N là bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện tại tại phường Lê Lợi, thị xã Sơn Tây. Như vậy, theo quy định tại Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.

Trong quá trình giải quyết tại Tòa án, đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ, hòa giải, ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử và tống đạt hợp lệ cho nguyên đơn, bị đơn. Ngày 31/01/2024, Tòa án đã mở phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Tòa án căn cứ điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quyết định hoãn phiên tòa, ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 29/02/2024. Tòa án đã tống đạt Quyết định hoãn phiên tòa cho nguyên đơn và bị đơn theo đúng quy định tại Điều 172, 177 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Đỗ Hoài N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn và thủ tục về kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh N là hợp pháp.

Trong thời gian chung sống giữa chị T và anh N có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N thường đánh chửi chị T.Từ tháng 11/2023 đến nay anh chị đã sống ly thân. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn, anh N thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, có cãi vã và đánh chị T, mong muốn được đoàn tụ nhưng không đến Tòa án hòa giải, không đưa ra phương án cụ thể để giải quyết mâu thuẫn cho vợ chồng đoàn

tụ. Kết quả xác minh tại hai gia đình thể hiện anh chị có mâu thuẫn, gia đình đã nhiều lần can thiệp hòa giải nhưng không thành. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên HĐXX chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh N là phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Đỗ Hoài N có 02 con chung là cháu Đỗ Nhật H, sinh ngày 26/12/2007 và cháu Đỗ Nhật A, sinh ngày 31/05/2012. Hiện cháu Anh đang ở với chị T, cháu H đang ở với anh N. Chị T có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Anh sau khi ly hôn, giao cháu H cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chị T và anh N đều không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh N không trình bày quan điểm về con chung tại Tòa án.

Xét thấy nguyện vọng về con chung của chị T là chính đáng, phù hợp với nguyện vọng của con chung, anh N không trình bày cụ thể quan điểm về việc nuôi con chung sau khi ly hôn nên việc giao cháu Anh cho chị T, giao cháu H cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế, đảm bảo sự phát triển toàn diện, bình thường về thể chất, trí tuệ, tâm lý của cháu Anh và cháu H và quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Do chị T trình bày chị và anh N đều không phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh N không yêu cầu nên HĐXX tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Đỗ Hoài N đến khi có quyết định, thay đổi khác.

Sau khi ly hôn, chị T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

[4] Về tài sản chung, công sức chung, công nợ chung: Do chị Nguyễn Thị Bích T và anh Đỗ Hoài N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét trong vụ án này;

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa

XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích T được ly hôn với anh Đỗ Hoài N.

2.Về con chung:Có 02 con chung là cháu Đỗ Nhật H, sinh ngày 26/12/2007 và cháu Đỗ Nhật A, sinh ngày 31/05/2012.Giao con chung là cháu Đỗ Nhật A cho chị Nguyễn Thị Bích T nuôi, giao cháu Đỗ Nhật H cho anh Đỗ Hoài N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu H, cháu Anh đủ 18 tuổi;Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị Bích T và anh Đỗ Hoài N cho đến khi có quyết định thay đổi khác.

Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Đỗ Hoài N được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

3.Về công nợ chung, tài sản chung, công sức chung: Không xem xét.

4.Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sơn Tây theo Biên lai số:0000802ngày 05/12/2023

5.Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Bích T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.Anh Đỗ Hoài N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ. Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Sơn Tây được quyền kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận:
- *TAND TP Hà Nội*
- *Viện KSND TX.Sơn Tây, TP. Hà Nội;*
- *Người tham gia tố tụng*
- *UBND phường Lê Lợi, TX. Sơn Tây, TP. Hà Nội;*
- *Chi cục THADS TX. Sơn Tây;*
- *Lưu hồ sơ*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Ngô Quốc Huy